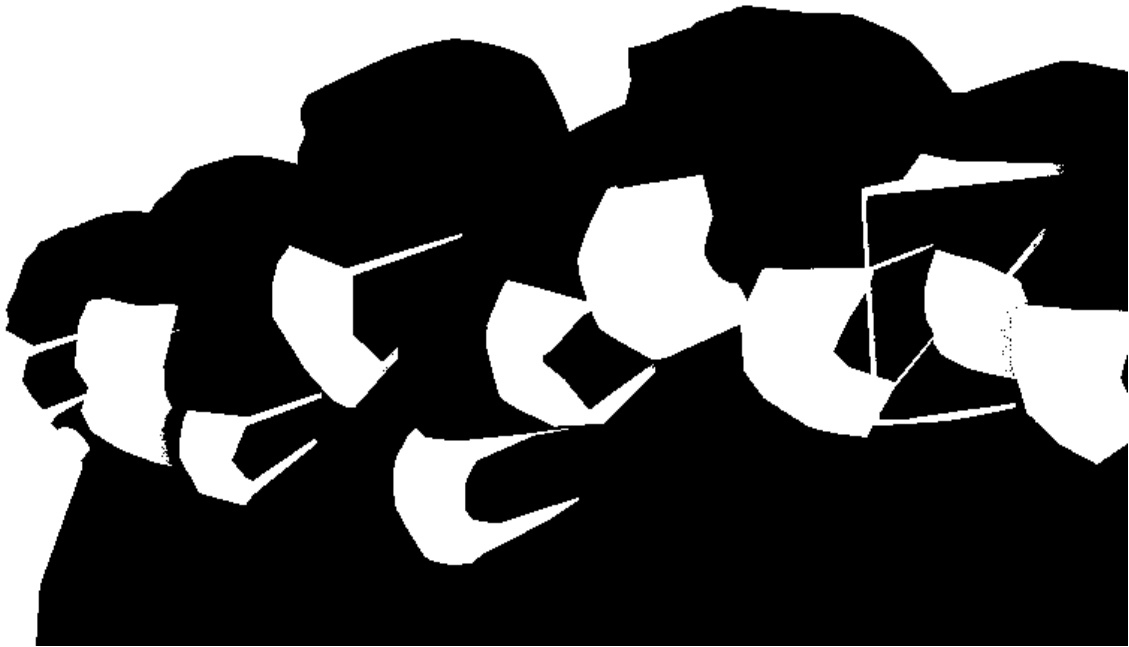


TÂM BỆNH NGUYỄN DU



MAI AN NGUYỄN ANH TUÂN

Đó là vào những ngày mùa thu Canh Thìn, năm Minh Mạng thứ nhất (1820), "dịch phát ở Hà Tiên rồi lan ra toàn quốc" (Đại Nam Thực lục). Khi vua bảo các quan: "Theo sách vở chép thì bệnh dịch chẳng qua chỉ ở một châu một huyện, chưa có bao giờ theo mặt đất lan khắp như ngày nay", triều thần Phạm Đăng Hưng đã tâu rằng: "Thần nghe dịch bệnh từ Tây dương sang", nghĩa là triều đình đã có nhiều người biết dịch bệnh truyền qua các thuyền buôn đến từ Ấn Độ, và dịch tràn lan do khí độc (lệ khí) phát tán. "Thực lục" còn viết: "Vua lấy bạch đậu khấu trong kho và phương thuốc chữa dịch sai người ban cấp", cho ta biết đây là một trận dịch tả.

Truyền thống chữa bệnh dịch tả bằng thảo quả xanh – tức bạch đậu khấu – có từ xa xưa, và Nguyễn Du cũng được truyền dạy từ các bậc lương y tổ phụ của mình. Mấy lần tới xứ Lạng, ông đều dành thời gian thu thập loại cây vốn sinh trưởng chủ yếu ở những nơi mát lạnh này...

Nhưng Nguyễn nhận thấy: chỉ một cây/phương thuốc chuyên trị các bệnh về phổi đó không đủ để trị/dẹp dịch bệnh. Ông lần giở các tập sách cũ "Nam dược thần hiệu", "Hồng nghĩa giác tư y thư", "Thập tam phương gia giảm" của cụ Tuệ Tĩnh ra nghiền ngẫm. Đã lâu lắm, giờ đây ông mới có dịp đọc lại những trang sách mà ông thấm nhuần cái tinh thần vượt qua mọi y lý trên đời của vị thiên sư-thánh y: "Thương nhân dân chết chóc/Chọn hiền triết phương thang", "Cây hoang dại có thể thành vườn hạnh được vậy!".

<!>

Giấc mộng văn chương bỗng trở thành điều gì xa lắc xa lơ, thậm chí không có thực nữa đối với ông! Ông bắt đầu ghi chép một số vị thuốc Nam được miêu tả trong “Nam dược thân hiệu”: loại cỏ hoang, loại dây leo, loại cỏ mọc dưới ao, loài mẽ cóc, loài quả, loài cây, loài côn trùng... , hầu hết là những thứ trong vườn của nhà nghèo nào cũng có, thâu đêm suy ngẫm về tác dụng từng loại cùng sự kết hợp giữa chúng và với bạch đậu khấu. Ông cùng người nhà lặn lội tới các ao vườn thu hái một số cây cỏ. Và ông phác thảo ra các cách chữa trị từ chủ trương “Nam dược trị Nam nhân” đã bị lãng quên từ lâu đó – để trước mắt trao đổi, bàn bạc với Thái y Viện, rồi sau tấu trình lên vua.

Nhưng Nguyễn đã ngây thơ như bất kỳ một kẻ có tâm hồn thi sĩ đích thực nào: ông không thể hình dung nổi, nếu như không trực tiếp trải qua cái đặn nhục nhã, khi tất cả các vị mũ cao áo dài thâm niên trong Thái y Viện đều gằn như bưng mũi cười không che giấu trước những đề xuất của một người theo họ chỉ giỏi từ chương chứ biết quái gì chuyện trị bệnh cứu người mà dám can dự!

Hoang đường! Cây cỏ vườn nhà, cỏ hoang ngoài bãi, thực nhảm nhí, vô bổ! Hồn hào, xác xược quá đáng với những người có sứ mệnh bảo vệ sức khỏe và tính mệnh Hoàng gia! Ánh mắt chế riễu và những lời lẽ lịch sự che giấu sự miệt thị của họ tạt vào nhiệt huyết của Nguyễn những gáo nước bẩn! Nguyễn cay đắng lặng người, quay ngoắt đi nhằm kiếm chế cơn thịnh nộ hiếm có đang chuẩn bị bùng ra thành những lời mạt sát không xứng đáng với tư cách một sĩ phu-quan chức cao cấp, hơn thế, một thi nhân...

Đó cũng là lúc nhà vua đang chú tâm vào cuộc cầu đảo lớn tại đàn Nam Giao Kinh thành Phú Xuân, cùng với ba đền xã tắc ở ngoại ô lập đàn tế lễ. Sử quan đã chép lại không sai sót một lời của vua: “Có dịch lệ là vì trẫm thiếu đức; trên can phạm hòa khí của trời, bốn phương có dịch đều là lỗi của trẫm”.

Song sử quan đã không ghi lại một dòng nào – để bảo vệ uy tín cho vua và triều đình – cái chuyện không ít tham quan đã bắt tay thông đồng với nhau tìm cách ăn chặn, hoặc bắt dân phải bỏ tiền ra mua giá cắt cổ thứ mà triều đình chần chừ diệt dịch, và chuyện một quan thượng thư đã áp dụng quyền “tiền trạm hậu tấu”, qua mặt vua đưa ra lệnh “quây rào khoanh vùng dịch” một cách nghiệt ngã nhằm tăng công với vua, được các cấp dưới đắc lực thực hiện đã gây bao nỗi thống khổ cho dân lành...

Ký ức dân gian còn lưu giữ ấn tượng sâu đậm về một thời cả Kinh đô Huế và các vùng phụ cận chìm trong màu trắng tang thương: những vệt/hàng/mảng vôi bột nham nhở trắng xóa, những tấm áo/dải khăn tang trắng rợn ngợp, những làn khói thiêu người chết/khói đốt trừ tà trắng mù mịt chìm nhân ảnh... Những tiếng rên la thảm thiết, những tiếng khóc than ai oán, đau đớn, bất mãn, tuyệt vọng vang lên khắp thôn cùng phố vắng, nơi không còn một tiếng mèo kêu, tiếng gà gáy, tiếng lợn éc, tiếng chó sủa nào nữa...

Nguyễn rời Thái y Viện đi lang thang như bóng vật vờ giữa cái không gian của tầng đầu Địa phủ đó. Nhưng ông không còn cái cảm giác như mọi ngày vừa qua, cảm giác khiến trái tim đa cảm của ông thất lại, nhức nhối không chịu nổi. Ông đang bưng bưng với ý nghĩ cần bắt tay lập tức chữa trị cho dân, ưu tiên những gia đình có cảnh ngộ khó khăn nhất, những người đang nguy cấp nhất, bằng phương pháp ông mới mày mò ra mà ông tin là đắc dụng. Rồi vua sẽ biết đến và cho nhân rộng bài thuốc của ông.

Thời trẻ, Nguyễn đã từng đội mũ vàng nhà sư đi khắp vùng Giang Bắc – Giang Nam đất Trung Hoa, với cái túi vải không tiền bạc* song lại có bọc lá khô thuốc Nam, bộ kim châm cứu và cuốn kinh Kim Cang cặp kề bên mình để tự kiếm sống và thỏa chí tang bồng. Nổi u uất suốt thời trẻ trai: “Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên” (Chí lớn lẫn kế sinh nhai đều mờ mịt) được giải tỏa không ngờ, khi ông được đem chút tài lẻ của người sinh trong cái nôi “Nho-Y-Lý-Số” ra thi thố với đời; ít nhất mình không phải là kẻ ôm bồm sách vô dụng, khi cứu chữa được cho không ít người trong quăng đời lang bạt tựa cỏ bồng trôi rã...

Nguyễn chững bước lại trước một hàng rào tre tua tủa gai, lá đã sắp úa. Ông cau mày vẻ khó hiểu. Xung quanh còn liên tiếp mấy cái rào tre như vậy vây quanh những ngôi nhà tường chình mái rạ. Thấy Nguyễn đang tìm cách lách rào để vào một nhà, một tên lính cấm vệ chạy tới chĩa giáo nhọn sát người ông:

- Nơi nguy hiểm! Tránh ra ngay!

Một tên lính khác vội chạy tới, đẩy mũi giáo đi và hét lớn:

- Mày láo! Đây là quan Hữu Tham tri Bộ Lễ!

Cả hai tên lính vội quỳ xuống lạy Nguyễn :

- Xin quan lớn tha tội. Chúng con có mắt như mù...

Nguyễn hỏi:

- Các rào tre này là thế nào vậy?

- Bẩm quan, do đại nhân Lê Huân ra lệnh buộc cách ly một số nhà có dịch cho thật nghiêm. Mấy hôm trước quan sức dân bên Hương Trà phải nộp các rào tre kiểu cách thế này... Bên Hương Thủy cũng đã tới ngày phải nộp đủ theo quy định ạ...

Nguyễn ngăn người ra.

- Sao ta không biết nhỉ? – Như nói hớ, Nguyễn tiếp ngay – Đã mấy ngày rồi...?

Một người đàn bà trẻ ôm con nhỏ, tóc tai xơ xụi chạy vụt ra, đặt con xuống chiếc chõng tre mộc và chấp tay vái Nguyễn lia lịa:

- Thưa đại quan, xin ngài cứu giúp chúng con với... Ba hôm nay cả nhà con bị nhốt thế này, trong nhà chẳng còn hạt gạo củ khoai nào mà không được bước ra chợ... Con bé nhà con nó khóc gần hai hôm rồi vì hết sữa, đại quan ơi... – Chị ta òa khóc nức nở.

Nguyễn giật mình, ông chợt thấy hoảng sợ như đó là tội lỗi do chính ông gây ra. Rồi ông cố ghìm cơn giận dữ khó tả chực trào ra, để bình tĩnh nói với hai tên lính:

- Các người cũng có vợ con, gia đình chứ? Các người có biết tình cảnh khốn quẫn của gia đình này không? Hả?

Chữ “Hả” ông nói như quát, khiến hai tên lính tái xám mặt mày, run rẩy quỳ xuống van lạy:

- Bẩm đại quan, chúng con chỉ làm theo chức phận thôi ạ... Mong đại quan đèn giời soi xét...

Người đàn bà trẻ gạt nước mắt:

- Đại quan ơi, nghe nói dân được phát chẩn thuốc để chữa bệnh, sao nhà con và các nhà quanh đây không được ạ? Người làm rào bên Hương Trà dù sao cũng còn được chiếu cố mua thuốc, giá có đắt đỏ, nhưng hy vọng cứu được mạng người thân...

Nguyễn sừng sốt :

- Mua?... Cô nói thật đấy chứ? Cô có biết: vu khống triều đình sẽ mắc tội gì không?

Người đàn bà trẻ chột khóc tu tu lên :

- Ôi giờ, con có ăn gan cóc tía cũng không dám đơn sai nửa lời... Con có bịa đặt chút gì, bố con chồng con đang ốm trong kia sẽ bị quan ôn bắt đi ngay thôi... Hu... hu...

Nguyễn mũi lòng đến ứa lệ. Trước nay, ông vẫn thấy đau lòng như đứt ruột trước tiếng khóc và nước mắt đàn bà. Còn đây lại là một thảm cảnh của đàn bà do ông gián tiếp gây ra, trên cương vị gần như tượng đất trong cái chính thể mà ông vừa có thêm một lần nhận ra sự suy đồi mục nát của nó... Nhưng ông vẫn đang là người giữ trọng trách quốc gia. Ông biết rõ nội vụ: việc thống kê tử vong khá là sát sao, kịp thời, việc chẩn cấp ủy lạo trong trận dịch này là có thật và cũng rất khẩn trương. Vua còn tuyên bố trước triều thần: sau dịch sẽ cho quân dân nghỉ ngơi, miễn thuế cho dân. “Lời nói dối máu”, bậc Cừu trùng chắc không nói chơi...

Nghĩ tới đó, cũng là lúc chẳng hiểu bằng cách nào Nguyễn đã vứt bỏ rào tre gai quái vật để vào ngôi nhà đang nồng nặc mùi hôi thối, tới bên giường bệnh nơi người đàn ông tóc điểm bạc, môi khô cong đang rên rỉ. Ông cầm tay người ấy lên xem mạch. Cánh tay trần bao phủ bởi những nốt đen rỉ máu và mủ. Trên áo nham nhờ máu mủ từ các hạch bị vỡ. Dù biết xem mạch lúc này là vô nghĩa, Nguyễn vẫn xem rồi lẩm bẫm: “Mạch loạn và xác quá!”. Ông quay sang hỏi cô con gái:

- Ông nhà kêu đau đầu, chóng mặt, buồn nôn, và hay mê sảng, đúng không?

Người đàn bà trẻ gật đầu đầy âu lo.

Nguyễn thốt lên:

- Nhiễm độc nặng quá rồi!

Ông chú ý tới góc nhà bên kia, một người đàn ông còn trẻ, gầy gò, đang ngồi dựa cột thờ đốc, mặt nhẩn lại. Ông bước nhanh tới, cầm tay anh ta xem mạch.

- Chớm bệnh rồi! Các hạch đang bắt đầu sưng to... – Ông nói với hai tên lính đang khúm núm đứng bên – Trời ơi, các người đã làm gì, biết không? Đã xây mồ chôn sống cả gia đình này rồi! Lập tức bỏ ngay các rào chắn, rõ chưa?

Hai tên lính nhìn nhau vẻ sợ hãi, lúng búng muốn nói gì, Nguyễn quát:

- Làm theo lệnh ta ngay! Tính mệnh của những người này đang ngàn cân treo sợi tóc đó!

Thấy hai tên lính rúm người lại vì hoảng sợ, Nguyễn chột dịu lại.

- Thôi được, ta sẽ đi cùng các người! Tội vạ đâu, ta chịu!

Nguyễn vội mở bọc, lấy ra mấy thang thuốc đã sao chế, dặn cô con gái cách đun sắc cho người bệnh để bồi và uống, rồi ông bước nhanh, hai tên lính cum cúp theo sau...

Nguyễn cho dỡ bỏ tất cả các rào tre quanh kinh đô, bắt cần hậu quả tới với mình, thế nhưng các rào tre vẫn tiếp tục xuất hiện ngày một nhiều thêm, như nhạo báng ông! Nhiều ngày đêm Nguyễn quên ăn quên ngủ đi tới các nhà có dịch cố chữa bệnh bằng phương thuốc riêng của mình, mắt sâu hoắm lại, râu thành rể tre chẳng buồn chải vuốt. Người nhà ông khuyên can không được, chỉ đành nhìn nhau thở dài.

Nguyễn cũng tới vài nhà quan lại, quý tộc đang có người mắc dịch chờ chết... Một quan đồng liêu với ông có con trai độc đinh, sau khi các quan Thái y khoanh tay cúi đầu trước người bệnh như tạ lỗi, đã cho mời pháp y tới giáng thần gọi hồn trừ ma đuổi dịch.

Khi Nguyễn bước vào, viên y quan từng nhạo báng ông chỉ khế ngược mắt nhìn rồi sụp xuống ngay, như tự xấu hổ trước sự thua cuộc của kẻ mang danh ngự y... Một pháp sư mặc áo cà sa đỏ rực, đầu đội vành mây, tay trái cầm vỏ ốc lớn, tay phải cầm vòng thép đính những mảnh đồng lá mỏng kêu leng keng, vừa nhảy nhót vừa lẩm nhẩm đọc thần chú. Một người mặc quần áo đen, phụ tá của pháp sư đốt bùa rồi hươ thành các vòng tròn, tu rượu phun thành tia vào người bệnh. Pháp sư vào trong, cởi bỏ cà sa, khoác phục trang Ông Hoàng Mười bước ra, nhún nhảy một lúc rồi ngồi quỳ xuống lớp tro đã được rải sẵn. Khi được phụ tá dùng vải đen trùm kín mặt, pháp sư liền vung vẩy hai tay, hét to một tiếng rồi ngân nga bài hát chiêu hồn mà trong buổi lên đồng sẽ khiến người ta lâng lâng, còn trong cảnh ngộ này lại chỉ làm người ta rờn rợn giữa niềm hy vọng mong manh chập chờn: hồn sẽ báo cho quỷ sư điều gì cho người bệnh đang hấp hối?... Hình như Nguyễn đã gặp cảnh này ở đâu đó rất lâu, từ thời “Bắc hành” lần đầu, khi ông lang thang vùng Việt Đông trong một làng người dân tộc thiểu số...

“Mớ vụ thuật tạp nham, vớ vẩn, nhằm nhí, cả giáng thần gọi hồn lẫn lên đồng bắt quỷ trừ ma này, giờ đã đi vào niềm tin tuyệt vọng của cả bậc trí giả, bậc công thần quốc gia, thì đất nước còn trông mong gì ở họ nữa!... Những cuộc cầu đảo của vua rập khuôn phương Bắc, liệu có cứu được mạng người nào thoát khỏi ôn dịch?...”. Nguyễn lẩm bẩm, cho tới lúc ông thấy chúng giống như lời nguyện rửa cho sự tằm tối của người đời, ông mới thôi.

Nguyễn lặng lẽ rời khỏi khu dinh thự ám khí quỷ ma đó, trở về nhà. Chẳng nói chẳng rằng, ông nằm dài trên phản. Người nhà và người hầu nào tới hỏi han, ông đều im lặng phẩy tay. Nỗi ngao ngán cùng cực xâm chiếm cõi lòng ông. Đã có vài triệu chứng lây dịch: người hâm hấp sốt, những cơn ho khan, mình mẩy đau nhức... Thực ra, ông dễ dàng đánh bay chúng bằng phương thuốc dân gian mà ông thí nghiệm thành công đầu tiên cho hai anh lính hầu và cô nấu bếp: cộng với niềm quý trọng tin tưởng của họ, ông đã cứu họ thoát tử thần; đồng thời truyền cho họ phương thuốc mới để tiếp tục cứu hàng xóm, cứu gia đình họ.

Đúng, ông có thể ngạo nghễ vượt qua thần chết. Nhưng ông còn gì để có thể bầu víu đây? Trận dịch nào rồi cũng phải qua đi, song sự đòi bại, tham tàn, ngu tối đang ngự trị trên mảnh đất này bao giờ mới chấm dứt? Làm thế nào để chấm dứt chúng? Ông cay đắng hiểu ra: dù vua chúa có nhiều “sâu lệnh” (lời hứa không thể thực hiện được), vẫn có ít nhiều tâm thành của bậc chí tôn đối với dân, song chúng sẽ bị lũ “quỷ vương” xâu xé, bóp méo, đè bẹp vì quyền lợi của chúng, để lại một giang sơn hoang tàn, lở loét...

Bài thơ “Bát muôn” (Xua nỗi buồn) viết năm xưa bỗng âm thầm trở lại, ứng vào thời thế đang diễn ra như cuộc trừng trị khốc liệt của Diêm Vương càng vò nát lòng ông: Cát bụi che mờ thêm ngọc mười năm nay. Thành phủ xây dựng trăm năm trước, một nửa thành gò hoang. Các loài chim nhỏ bé đều bay lên cao hết. Sau các cuộc huyết chiến, cõi càn khôn trở nên nhớ nhớp. Quê nhà trong cơn binh lửa hẳn đã tiêu điều, ở xa muôn dặm nước mắt tuôn rơi... (Thập tải trần ai

ám ngọc trừ, Bách niên thành phủ bán hoang khu. Yêu ma trùng điệp cao phi tận, Trĩ uế càn khôn huyết chiến dư. Tang tử binh tiền thiên lý lệ). Nghĩ tới quê nhà, bao giờ Nguyễn cũng xót xa ứa lệ; hôm nay, quê nhà còn khứa thêm vào tác lòng rớm máu của ông cái thân phận người anh Nguyễn Nễ, người tuy được Gia Long tin dùng song đã bị bày tôi cố cựu của ông vua này đổ ky, rồi bị bức tử một cách uất hận tại Nghi Xuân...

Trong tia chớp vụt hiện nhắc nhở sự vô thường của cõi đời từ câu kệ “Như lộ diệt như điện” (Như giọt sương, như ánh chớp) ở kinh Kim Cang mà Nguyễn từng đọc nghìn lượt thời trẻ lang bạt, ông như nhìn thấy rõ hơn hình bóng thương tâm của người đàn bà trẻ chấp tay máu van xin ông hôm trước... Qua bao cuộc binh lửa dịch dã, những dân đen con đỏ của Thập loại chúng sinh, những đồng bào từng được ta thương khóc trong “Văn Chiêu Hồn”, sẽ sống sao đây trên mảnh đất cạn kiệt tình thương? Bao nhiêu nước mắt cảm thương ta đổ ra cho những số phận bất hạnh liệu có trở thành trò giải trí cho những kẻ trọc phú bất ngâm thơ ta trong bữa tiệc ê hề để tiêu cơm tiêu mỡ, thành đề tài khảo cứu cho những kẻ bất chấp, dửng dưng với người dân nghèo khổ để cố leo lên bậc công danh bằng chữ nghĩa văn chương?...

Người nhà mang cơm cháo đến, ông phẩy tay. Cô hầu mang thuốc tới, ông phẩy tay. Ông không muốn nói gì nữa. Không phải như Sử triều Nguyễn sau đó chép rằng: “Khi làm quan, ông thường bị quan trên quở trách, nên lấy làm uất ức, bực chí”. Với những gì ông đã thấy, đã hiểu suốt một đời vất vưởng cô độc; nhất là những ngày đại dịch này, chợt nhận ra hết bản chất ma quỷ trong phần lớn những kẻ tự xưng là Cha Mẹ của Dân, những kẻ thường ghen ghét soi mói ông, thì ông thấy rõ, càng uất ức, phần chí càng chỉ làm trò cười cho họ. Tốt nhất là im lặng, vô ngôn. Bởi vô ích! Vô phương cứu chữa, dẫu cho có Thần Phật xuất hiện.

“Đại Nam chính biên liệt truyện” của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “Đến khi bệnh kịch, ông không chịu uống thuốc, sai người nhà sờ chân tay, họ nói với ông đã lạnh cả, Du bảo rằng “Được” rồi mất, không trở lại một lời”.

Nếu có trăng trời, chắc Nguyễn chỉ muốn bọc bạch cùng “đồng tâm nhân” của ông – oan hồn Khuất Nguyên vẫn vật vờ trên khói sóng Tương giang đã hai nghìn năm lẻ...

Mai An Nguyễn Anh Tuấn

Hà Nội, 21/9/ 2021

.....
* “Giang nam giang bắc nhất nang không” (Mạn hứng – Nhị thủ. Thanh Hiên thi tập).